

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 586/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Duy;

Bà Phan Thị Quý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **Võ Đ L**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K S, Huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**** Bị đơn:*** Chị **Lê Thị K N**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K S, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Võ Đ L trình bày: anh L và chị N chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K S – huyện Châu Thành - tỉnh Tiền

Giang. Trong quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh L khai, anh và chị N có 02 con chung tên Võ Đ T – sinh ngày 03/7/2011 và Võ Ngọc T K – sinh ngày 20/5/2013, , khi ly hôn anh L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Lê Thị K N không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Đ L yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị K N. Chị N có địa chỉ tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định: quan hệ tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đối với chị Lê Thị K N, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173, Điều 174 của Bộ luật tố tụng dân sự; nhưng chị N không tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, anh L và chị N sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K S, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/12/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Anh Võ Đ L trình bày: Cuộc sống chung của anh và chị N có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc và đã ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị

N. Chị N vắng mặt, không tham gia phiên toà cũng như vắng mặt tại các phiên hoà giải, là đã tự từ bỏ quyền - nghĩa vụ của mình vốn được pháp luật bảo vệ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L được ly hôn với chị N.

[2.3] Về con chung: anh L và chị N có 02 con chung tên Võ Đ T – sinh ngày 03/7/2011 và Võ Ngọc T K – sinh ngày 20/5/2013, hiện tại hai con chung đang sống với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét trên là sự tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, nên được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai là không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu về việc nuôi con chung của anh Võ Đ L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Đ L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đ L được ly hôn với chị Lê Thị K N.

2/ Về con chung: Giao anh Võ Đ L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Võ Đ T – sinh ngày 03/7/2011 và Võ Ngọc T K – sinh ngày 20/5/2013. Chị Lê Thị K N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi hai con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002689 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; anh L đã nộp xong án phí.

Anh Võ Đ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với chị Lê Thị K N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- UBND xã K S, H. Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt